

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV21B1** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH01074** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục thể chất**
Số tín chỉ: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTBV0128	Trần Ngọc Tường Duy	02/01/2006				9	7				0.0	0.0	3.1
2	21BTBV0129	Phạm Hoài Đức	20/05/2001				0	0				0.0	0.0	0.0
3	21BTBV0130	Nguyễn Phát Học	25/07/2006				8	10				9.0		9.1
4	21BTBV0131	Nguyễn Thị Kim Huệ	02/06/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
5	21BTBV0132	Trịnh Quốc Hùng	29/08/2006				8	9				9.0		8.9
6	21BTBV0133	Nguyễn Chấn Hưng	16/07/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
7	21BTBV0134	Võ Hoàng Huy	12/11/1999				9	10				9.0		9.3
8	21BTBV0135	Lương Nhĩ Khang	16/07/2006				8	7				7.0		7.1
9	21BTBV0136	Huỳnh Thị Diễm My	31/10/2006				8	10				0.0	0.0	3.7
10	21BTBV0137	Nguyễn Thị Thảo Ngân	22/03/2002				8	5				7.0		6.6
11	21BTBV0138	Phạm Thành Ngoan	10/09/2003				8	6				7.0		6.9
12	21BTBV0139	Lê Thị Mỹ Nguyên	15/01/2006				7	7				0.0	0.0	2.8
13	21BTBV0140	Huỳnh Tốt Nhiều	30/06/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
14	21BTBV0141	Đặng Văn Quang	21/11/2006				8	5				8.0		7.2
15	21BTBV0142	Trần Gia Thắng	22/12/2006				8	7				8.0		7.7
16	21BTBV0143	Võ Thị Mỹ Tiên	19/09/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
17	21BTBV0144	Nguyễn Thanh Trọng	22/05/1995				8	10				7.0		7.9
18	21BTBV0145	Trần Minh Trọng	18/05/2004				8	8				7.0		7.4
19	21BTBV0146	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	11/06/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
20	21BTBV0147	Huỳnh Đông Vĩ	28/02/2006				8	9				0.0	0.0	3.5
21	21BTBV0148	Hồ Thị Như Ý	05/01/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
22	21BTBV0333	Đoàn Thanh Phúc	10/10/2005				9	10				9.0		9.3
23	21BTBV0336	Nguyễn Triệu Phú	29/12/2003				0	0				0.0	0.0	0.0
24	21BTBV0586	Chau Sóc Cươl	10/04/2003				8	10				0.0	0.0	3.7

Châu Đốc, ngày 25 tháng 8 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Phúc Lâm